

Số: /BC-LNKL

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành pháp luật về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm, thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã và mã số HS đối với hàng hoá là thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, động vật, thực vật thuộc CITES

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm và Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học đã tiến hành tổng kết việc thi hành Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm, loài động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và Thông tư số 17/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về ban hành Bảng mã HS đối với hàng hóa là thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và động vật, thực vật thuộc các Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. Kết quả cụ thể như sau:

I. TỔNG KẾT BỐI CẢNH THỰC HIỆN

1. Tình hình trong nước và quốc tế

Trong giai đoạn hiện nay, việc hoàn thiện thể chế và nâng cao chất lượng xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật được Đảng và Nhà nước xác định là nhiệm vụ trọng tâm, nhằm tạo động lực phát triển nhanh, bền vững, đáp ứng yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi số, cải cách hành chính và hội nhập quốc tế.

Nghị quyết số 27-NQ/TW (2022), Nghị quyết số 57-NQ/TW (2024), Nghị quyết số 66-NQ/TW (2025), cùng các kết luận của Trung ương và Bộ Chính trị (121-KL/TW, 221-KL/TW, 09-KL/TW) đều nhấn mạnh việc rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và khả thi; Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 2092 và 2093 (2026) về tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, yêu cầu các bộ, ngành rà soát toàn diện để đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.

Trong lĩnh vực lâm nghiệp, yêu cầu này càng cấp thiết bởi tình trạng buôn bán trái phép động vật, thực vật hoang dã vẫn diễn biến phức tạp, trong khi nhu cầu hội nhập quốc tế và thực hiện các cam kết quốc tế về bảo tồn đa dạng sinh học, giảm phát thải khí nhà kính ngày càng cao. Kết quả rà soát bước đầu cho thấy hệ

thống văn bản hiện hành cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý, song vẫn tồn tại một số quy định chồng chéo, chưa phù hợp với thực tiễn và các tiêu chuẩn quốc tế.

Song song với yêu cầu trong nước, Việt Nam phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quốc tế khi tham gia CITES và CBD. Các cam kết này đặt ra tiêu chuẩn về điện tử hóa, minh bạch, truy xuất nguồn gốc và tuân thủ nghiêm ngặt. Một xu hướng nổi bật là triển khai điện tử hóa CITES với 4 mục tiêu chính: (1) Đơn giản hóa thủ tục hành chính - giảm giấy tờ, rút ngắn thời gian xử lý; (2) Minh bạch và truy xuất dữ liệu - cho phép kiểm tra nguồn gốc, lịch sử cấp phép; (3) Kết nối và chia sẻ quốc tế - liên thông dữ liệu quốc gia và các quốc gia thành viên; và (4) Tăng cường năng lực thực thi - hỗ trợ hải quan, kiểm lâm và cơ quan quản lý trong giám sát, ngăn chặn buôn bán, gian lận thương mại.

Trong các nội dung nêu trên, CITES khuyến nghị áp dụng ngày càng nhiều các công cụ đánh giá khoa học NDF (Non-Detriment Findings) để chứng minh việc khai thác không gây hại đến quần thể loài trong tự nhiên, và minh chứng nguồn gốc hợp pháp LAF (Legal Acquisition Findings) để xác nhận nguồn gốc hợp pháp của mẫu vật. Đây là những công cụ quan trọng cần được tích hợp vào hệ thống pháp luật và quy trình quản lý của Việt Nam, nhằm bảo đảm tính minh bạch và tuân thủ chuẩn mực quốc tế. CITES cũng áp dụng ngày càng nhiều các hình phạt nghiêm khắc, thậm chí là cấm vận thương mại CITES đối với quốc gia vi phạm nghĩa vụ CITES.

Tóm lại, bối cảnh trong nước và quốc tế đều đặt ra yêu cầu cấp thiết: Việt Nam phải rà soát, sửa đổi, bổ sung và hợp nhất các quy định pháp luật, đồng thời tăng cường truy xuất nguồn gốc, áp dụng NDF và LAF. Trong đó, Thông tư chính là công cụ pháp lý quan trọng để cụ thể hóa các quy định của Luật và Nghị định trong nước, thể hiện rõ cam kết quốc tế của Việt Nam trong việc thực hiện CITES và CBD. Sự gắn kết này vừa giúp bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật quốc gia, vừa tránh nguy cơ bị áp dụng một số quy định của quốc tế, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam tham gia sâu hơn vào các hiệp định thương mại toàn cầu, nâng cao uy tín và vị thế quốc gia trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý bền vững tài nguyên rừng.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Thực hiện Văn bản số 4954/BNMT-LNKL ngày 18/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc tổng kết, đánh giá thực hiện các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm; trên cơ sở đề cương và nội dung hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương đã tổ chức rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các quy định hiện hành; tổng hợp kết quả triển khai, những khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện; đồng thời đề xuất các giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách và các quy định chuyên ngành lâm nghiệp.

Đến ngày 20/7/2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã nhận được 25/34 báo cáo tổng kết, đánh giá của các tỉnh, thành phố. Các báo cáo cơ bản đã đánh giá việc tổ chức thực hiện và xây dựng Thông tư nghiêm túc, bám sát đề cương hướng dẫn, phản ánh tương đối đầy đủ tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm tại địa phương.

Qua tổng hợp báo cáo cho thấy, các địa phương đã chủ động ban hành văn bản chỉ đạo, tổ chức phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện các quy định của pháp luật; thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, bảo vệ, bảo tồn, cứu hộ loài nguy cấp, quý, hiếm, loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES; giám sát, quản lý, cấp mã số các cơ sở nuôi, cơ sở trồng trên địa bàn.

Bên cạnh việc tổng hợp báo cáo của địa phương, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học đã tổ chức rà soát các quy định pháp luật hiện hành, đối chiếu với các quy định mới của CITES, Luật Lâm nghiệp, Luật Đa dạng sinh học và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn; đánh giá mức độ phù hợp, tính khả thi và hiệu quả thi hành của từng nhóm chính sách. Đồng thời, tiến hành rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực lâm nghiệp, đa dạng sinh học nhằm xác định những nội dung cần kế thừa, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Kết quả tổng kết là cơ sở thực tiễn quan trọng để đánh giá toàn diện việc thi hành các quy định hiện hành; xác định những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn; từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện chính sách, pháp luật và xây dựng Thông tư quy định về Danh mục, chế độ quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thực hiện

Sau khi Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 và Thông tư số 17/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 được ban hành, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã chỉ đạo Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm tổ chức hướng dẫn, phổ biến và theo dõi việc triển khai thực hiện trên phạm vi cả nước¹. Các nội dung hướng dẫn được lồng ghép trong các chương trình công tác, hội nghị chuyên ngành, các lớp tập huấn và hoạt động kiểm tra, giám sát nhằm bảo đảm việc thực hiện thống nhất, đồng bộ giữa các địa phương.

Trên cơ sở các quy định của Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố đã chủ động ban hành các kế hoạch, quyết định, văn bản chỉ đạo và các chương trình

¹ Văn bản số 28/LNKL-CITES ngày 07/01/2026.

công tác để triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Các sở, ngành liên quan, đặc biệt là cơ quan kiểm lâm đã tổ chức rà soát các nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch thực hiện, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị và địa phương cấp cơ sở.

Công tác tuyên truyền, phổ biến và tập huấn được các địa phương quan tâm triển khai thường xuyên. Nội dung các thông tư được phổ biến thông qua các hội nghị triển khai văn bản quy phạm pháp luật, hội nghị chuyên đề, các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng kiểm lâm, hải quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan. Nhiều địa phương đã lồng ghép nội dung tuyên truyền vào các chương trình bảo vệ và phát triển rừng, các hoạt động truyền thông cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trong bảo vệ, bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm và động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES.

Nhìn chung, công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành các quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm, thực thi CITES và mã số HS được thực hiện tương đối đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, góp phần đưa các quy định của pháp luật vào thực tiễn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lâm nghiệp, kiểm soát hiệu quả hoạt động buôn bán động vật, thực vật hoang dã, nâng cao uy tín, hình ảnh của Việt Nam trên trường quốc tế về thực thi CITES.

2. Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế

2.1. Đối với Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT

2.1.1. Kết quả đạt được và ưu điểm:

- Các tỉnh đã kịp thời triển khai các quy định tại Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT, đặc biệt là công tác quản lý, cấp mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài nguy cấp, quý, hiếm và động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định pháp luật²; tăng cường vận động các cơ sở chấp hành tốt quy định pháp luật về nuôi, trồng; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ sở nuôi, trồng.

- Thủ tục hành chính đã được đơn giản hóa tại các mẫu biểu kê khai, hồ sơ, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân liên quan. Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 15/5/2026, Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam đã tiếp nhận 740 hồ sơ, trong đó gồm 520 hồ sơ nộp trực tuyến (**chiếm 70,27%**), 124 hồ sơ nộp trực tiếp (**chiếm 16,76%**) và 96 hồ sơ nộp qua bưu chính (**chiếm 12,97%**).

2.1.2. Bất cập, hạn chế:

² Kết quả triển khai cấp mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng tại một số tỉnh trong thời gian qua như sau: Tỉnh Vĩnh Long cấp 273 mã số; Tỉnh Đồng Tháp cấp 176 mã số; Tỉnh Điện Biên cấp 186 mã số; Tỉnh Gia Lai cấp 544 mã số v.v...

a) Về Danh mục

- Vẫn tồn tại tình trạng một đối tượng có hai chế độ quản lý: Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và Danh mục loài thuộc Nhóm I có nhiều loài trùng nhau. Tiêu chí xác định gần như giống nhau, chỉ khác ở yếu tố đặc hữu.

- Chưa có quy định rõ ràng đối với trường hợp loài vừa thuộc Phụ lục CITES vừa thuộc danh mục nguy cấp, quý, hiếm nhưng phân nhóm khác nhau (ví dụ: rắn hổ chúa thuộc Nhóm IB nhưng lại nằm trong Phụ lục II CITES). Điều này gây khó khăn trong cấp phép CITES và xử lý mẫu vật nhập khẩu.

- Chưa có quy định về **mẫu chuẩn** để đối chiếu phục vụ công tác xử lý vi phạm.

- Một số loài trùng lặp giữa Thủy sản và Động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm (ví dụ: Ba ba gai), gây khó khăn cho quản lý tại địa phương.

- Danh mục chưa được cập nhật thường xuyên theo tình trạng bảo tồn thực tế và các thay đổi trong Sách Đỏ/IUCN, dẫn đến nguy cơ lạc hậu so với chuẩn quốc tế.

b) Về chế độ quản lý

Hủy mã số cơ sở

+ Điểm a khoản 6 Điều 26 Thông tư số 85 quy định về hủy mã số trong trường hợp chủ cơ sở nuôi có hành vi khai thác, săn, bắt, giết, nuôi, nhốt, trồng, tàng trữ, vận chuyển, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm, loài thuộc Phụ lục CITES trái quy định pháp luật mà đã bị xử lý vi phạm hành chính **hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự**. Theo đó các hành vi “**trái quy định pháp luật**” đã được xác định và “**đã**” bị xử lý. Kết quả pháp lý đã xảy ra, hành vi vi phạm đã được cơ quan có thẩm quyền xử lý hành chính hoặc đã được đưa vào quy trình tố tụng hình sự (có quyết định khởi tố, quyết định khởi tố bị can, quyết định truy tố). Việc hủy mã số để đảm bảo kèm theo chuyển giao mẫu vật sống để đảm bảo tính liên tục trong chăm sóc động vật và logic (truy cứu hình sự là hành vi vi phạm nặng hơn, trong khi hành vi vi phạm bị xử phạt hành chính đã bị hủy mã số rồi). Tuy nhiên, theo pháp luật về tố tụng hình sự, truy cứu trách nhiệm hình sự là một quá trình, vì vậy, việc quy định hủy mã số trong trường hợp “**đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự**” vẫn bị phản ánh chưa thực sự rõ ràng khi triển khai.

+ Điểm c khoản 6 Điều 26 quy định chủ cơ sở nuôi, cơ sở trồng phải thực hiện chuyển giao động vật, thực vật trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Quyết định hủy mã số có hiệu lực là chưa phù hợp đối với trường hợp chủ cơ sở nuôi, trồng bị hủy mã số trong trường hợp **vi phạm pháp luật** (động vật, thực vật trong trường hợp này là tang vật vi phạm và bị tịch thu).

- *Về cấp giấy phép CITES xuất khẩu đối với loài nguy cấp, quý, hiếm không thuộc Phụ lục CITES*: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Thông tư số 85, giấy phép CITES áp dụng cho việc xuất khẩu mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm (bao gồm mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm không thuộc Phụ lục CITES như Sâm Việt Nam). Việc quy định cấp giấy phép CITES xuất khẩu đối với loài nguy cấp, quý, hiếm không thuộc Phụ lục CITES là không cần thiết do nước nhập khẩu không yêu cầu phải có giấy phép CITES xuất khẩu, đồng thời pháp luật về quản lý, truy xuất nguồn gốc đã quy định đầy đủ, chặt chẽ để truy xuất nguồn gốc mẫu vật trong lưu thông (lập bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan kiểm lâm sở tại khi vận chuyển).

- *Về động vật rừng thông thường*: Thông tư số 26/2020/TT-BNNMT ngày 24/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân hiện đang quy định trình tự, thủ tục khai thác thực vật rừng thông thường, động vật rừng thông thường. Do vậy, đề xuất chuyển nội dung quy định về nuôi động vật rừng thông thường sang nội dung Thông tư số 26 để đảm bảo thống nhất.

- *Về quản lý đối với giống cây trồng thuộc Phụ lục CITES*: Hiện nay, pháp luật về giống cây trồng lâm nghiệp đã quy định cơ bản đầy đủ, chặt chẽ để quản lý, truy xuất nguồn gốc. Do vậy, việc quy định cơ sở trồng giống cây trồng vừa phải đáp ứng quy định về giống cây trồng lâm nghiệp, vừa đáp ứng quy định tại Thông tư số 85 là không cần thiết (trừ trường hợp xuất khẩu).

- *Về áp dụng các điều khoản miễn trừ của CITES*: Mẫu vật các loài thuộc CITES được miễn trừ theo quy định của CITES (hạt, phấn hoa, bào tử; các mẫu vật họ Phong lan thuộc Phụ lục II có nguồn gốc trồng cây nhân tạo) nhưng quy định về quản lý chưa rõ ràng.

- *Về áp dụng quy định của CITES cho các loài Phụ lục I gây nuôi*

+ Một số quốc gia châu Âu (Hà Lan, Bỉ) có cấp giấy phép CITES cho loài thuộc Phụ lục I, có nguồn gốc gây nuôi thương mại từ trại chưa đăng ký với Ban Thư ký CITES, áp mã mục đích xuất khẩu là T (thương mại), nhưng quy định của Thông tư 85 chỉ chấp nhận mẫu vật Phụ lục I nhập khẩu mã T từ trại đã đăng ký với Ban Thư ký CITES.

+ Trước đây, Việt Nam áp dụng cơ chế miễn giấy phép cho vật dụng cá nhân dưới 5 mẫu hoặc cấp “Chứng chỉ mẫu vật lưu niệm” cho khách du lịch theo khoản 4 Điều VII của Công ước CITES (Mẫu vật của loài Phụ lục I, nếu được nuôi sinh sản trong cơ sở được CITES công nhận, được coi như mẫu vật của loài Phụ lục II khi buôn bán quốc tế). Theo đó, đã áp dụng việc miễn trừ giấy phép CITES cho các sản phẩm từ cá sấu Phụ lục I nhưng nuôi sinh sản tại Việt Nam (ví dụ: túi, ví, thắt lưng) khi xuất khẩu. Mặc dù việc áp dụng kép các điều khoản có lợi sẽ hỗ trợ cho thương mại, tuy nhiên, qua trao đổi, Ban thư ký CITES khẳng định điều khoản

miễn trừ này chỉ áp dụng cho mục đích thương mại, không áp dụng cho miễn trừ vật dụng cá nhân theo Điều khoản 3, Điều VII của Công ước CITES; miễn trừ giấy phép không áp dụng cho mẫu vật Phụ lục I, II có được ngoài quốc gia thường trú, mẫu vật từ tự nhiên hoặc mẫu vật sống. Nghị quyết 13.7 chỉ cho phép miễn trừ đối với mẫu vật đã chết, bộ phận, dẫn xuất Phụ lục II (trừ sừng tê giác, ngà voi và một số loài có giới hạn). Thông tư 85/2025/TT-BNNMT đã điều chỉnh theo đúng quy định CITES, khiến các sản phẩm Phụ lục I từ nuôi sinh sản không còn được miễn trừ giấy phép CITES xuất khẩu, Chứng chỉ lưu niệm cũng hết hiệu lực. Điều này ảnh hưởng lớn đến các cửa hàng miễn thuế tại sân bay, vốn đang bán sản phẩm da cá sấu.

- *Về đánh giá NDF*: CITES khuyến khích các trại nuôi, cơ sở trồng cây nhân tạo thực hiện Đánh giá khai thác không ảnh hưởng (NDFs) để minh chứng nguồn hợp pháp. Việt Nam đang có hoạt động xuất khẩu nhiều đối với một số mặt hàng thuộc CITES (dó bầu, khỉ đuôi dài..), nhưng các trại nuôi, cơ sở trồng cây nhân tạo chưa tiến hành NDFs, vẫn tạo ra nghi vấn về nguồn gốc của sản phẩm.

- *Về xác định “có môi trường sinh sống tự nhiên trong rừng”*: tại giải thích nuôi động vật rừng thông thường, gây khó khăn trong quá trình quản lý, xử lý vi phạm; Giải thích thuật ngữ đưa nhóm côn trùng vào quản lý, nhưng có nhiều loài côn trùng gây hại có môi trường sống tự nhiên trong rừng như sâu róm thông, sâu xanh ăn lá cây keo...dẫn đến khó khăn trong quản lý.

- *Về cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học*: Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT chỉ đang quy định cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đối với trường hợp nuôi, trồng vì mục đích bảo tồn đa dạng sinh học, du lịch sinh thái, nghiên cứu khoa học, chưa có quy định cụ thể đối với trường hợp nuôi, trồng loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ vì mục đích phi thương mại khác như làm cảnh v.v...

2.2. Đối với Thông tư số 17/2023/TT-BNNPTNT

2.2.1. Kết quả đạt được và ưu điểm:

- Ngay sau khi Thông tư số 17 có hiệu lực thi hành các Chi cục Hải quan khu vực đã kịp thời phổ biến đến toàn thể công chức trong đơn vị và cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn quản lý để triển khai thực hiện.

- Bảng mã HS ban hành là cơ sở để cơ quan Hải quan tra cứu, phân loại chính xác hàng hóa là thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và các loài thuộc các Phụ lục CITES; đồ trang sức được chế tác từ thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và các loài thuộc các Phụ lục CITES. Qua đó, tạo thuận lợi cho công tác kiểm tra, giám sát đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có liên quan đến mẫu vật các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES, đồng

thời giúp cơ quan hải quan kiểm soát, phòng ngừa và xử lý hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới đối với mẫu vật các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES.

2.2.2. Bất cập, hạn chế

Thông tư quy định tên gọi chính thức của loài động vật, thực vật là tên khoa học (tên Latin), tên tiếng Việt và tiếng Anh chỉ có giá trị tham khảo, tuy nhiên doanh nghiệp thường khai báo trên tờ khai hải quan là tên thương mại, dựa trên đặc tính thương mại và quy cách chế biến, đóng gói theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 07/6/2022 của Bộ Tài chính. Do vậy, thiếu sự đồng nhất dẫn đến doanh nghiệp dễ lợi dụng để khai báo không đầy đủ, gian lận để không phải xuất trình giấy phép CITES.

3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

3.1. Khó khăn, vướng mắc:

Qua tổng hợp báo cáo của các địa phương và kết quả rà soát việc tổ chức thực hiện các quy định hiện hành cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai thực hiện vẫn còn phát sinh một số khó khăn, vướng mắc cần được tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện.

a) Đối với Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT

- Theo hướng dẫn tại cột 19 của Sổ theo dõi nuôi, trồng (Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 85/2025/TT BNNMT), cơ quan Kiểm lâm sở tại phải ký xác nhận, ghi rõ họ tên và đóng dấu khi kiểm tra đột xuất, định kỳ hoặc khi tổ chức, cá nhân xuất bán động vật. Quy định này phát sinh khó khăn trong quá trình thực hiện do người có thẩm quyền ký, đóng dấu của đơn vị chủ yếu là lãnh đạo Hạt Kiểm lâm (Hạt trưởng hoặc Phó Hạt trưởng), trong khi công chức kiểm lâm trực tiếp thực hiện kiểm tra cơ sở nuôi lại không có thẩm quyền ký, đóng dấu xác nhận. Điều này dẫn đến việc phát sinh thêm quy trình, kéo dài thời gian xử lý hồ sơ và gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính;

- Sổ theo dõi theo Mẫu số 10 có quá nhiều cột thông tin, cách ghi chép phức tạp và phải thực hiện nhiều phép tính để xác định biến động đàn, gây khó khăn trong quá trình thực hiện. Hướng dẫn ghi chép mang tính kỹ thuật cao, chưa phù hợp với các hộ nuôi nhỏ lẻ;

- Mẫu số 22 về Phương án nuôi còn nhiều nội dung chưa rõ ràng, phức tạp, gây khó khăn cho người dân khi lập Phương án nuôi.

- Xác nhận thông quan của cơ quan hải quan trên Giấy phép CITES được cấp điện tử gặp khó khăn do hệ thống cấp phép điện tử của Bộ Nông nghiệp và

Môi trường chưa liên thông dữ liệu với hệ thống của hải quan. Thực trạng này dẫn đến doanh nghiệp có thể gian lận, sử dụng 1 giấy phép CITES điện tử để đăng ký thông quan tại nhiều nơi.

b) Đối với Thông tư số 17/2023/TT-BNNPTNT

- Chưa có cơ sở dữ liệu về hình ảnh đối với các loài thuộc Danh mục CITES nên công chức hải quan khó phân biệt các loài tương tự nhau (ví dụ như loài lan).

3.2. Nguyên nhân của các tồn tại, bất cập:

a) Nguyên nhân khách quan:

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp trong thời gian qua có nhiều thay đổi nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách thể chế, phân cấp, phân quyền và chuyển đổi số. Quá trình sửa đổi, bổ sung liên tục của các quy định pháp luật đã tạo áp lực lớn đối với cơ quan quản lý và lực lượng thực thi tại địa phương trong việc cập nhật, tổ chức thực hiện và điều chỉnh các quy trình chuyên môn.

b) Nguyên nhân chủ quan:

Nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực bảo vệ, bảo tồn và thực thi CITES tại nhiều địa phương còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn ngày càng gia tăng. Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, hệ thống công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số còn thiếu và chưa đồng bộ.

4. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

Qua quá trình triển khai thực hiện các quy định hiện hành và tổng hợp ý kiến của các địa phương cho thấy, bên cạnh các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện, đã xuất hiện một số yêu cầu quản lý mới cần được nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về lâm nghiệp.

a) Hoàn thiện cơ chế quản lý nuôi, trồng loài nguy cấp, quý, hiếm, loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES, vừa đảm bảo không lồng ghép điều kiện trong quản lý do hoạt động này không phải là ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư 2025, vừa đảm bảo hiệu quả trong công tác quản lý, phục vụ truy xuất nguồn gốc trong buôn bán, xuất khẩu.

b) Phát sinh yêu cầu phải thực hiện Đánh giá khai thác không ảnh hưởng và thiết lập hạn ngạch xuất khẩu hàng năm đối với mẫu vật khai thác từ tự nhiên và mẫu vật từ cơ sở nuôi, trồng nhằm đảm bảo việc nuôi, trồng, buôn bán bền vững mẫu vật động vật, thực vật nguy cấp, quý, hiếm, thuộc Phụ lục CITES.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định chưa phù hợp

a) Về Danh mục

- Kết cấu lại Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm theo 3 Nhóm chính, gồm: Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, Danh mục loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I và Danh mục loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II, đảm bảo các loài không trùng Danh mục, xác định rõ loài ưu tiên bảo vệ là loài có các tiêu chí như loài Nhóm I và thêm tiêu chí về đặc hữu;

- Bổ sung tiêu chí “có thông tin mẫu chuẩn” khi xác định loài nguy cấp, quý, hiếm; Xem xét loại bỏ hoặc hạ phân hạng bảo vệ đối với loài đã phục hồi.

- Bổ sung quy định miễn trừ đối với hạt, phần hoa của các loài lan tại Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm; Bổ sung chú giải trong danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm tương tự Phụ lục CITES.

b) Về chế độ quản lý

- Bổ sung nguyên tắc áp dụng chế độ quản lý, bảo vệ đối với các loài động vật, thực vật theo mức độ từ cao xuống thấp để xử lý đối với trường hợp một loài nhưng ở trong Nhóm hoặc Phụ lục có mức độ bảo vệ khác nhau.

- Sửa đổi quy định về quản lý nuôi, trồng theo hướng không cấp mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng; Bổ sung quy định về quản lý cơ sở nuôi, cơ sở trồng trên Hệ thống quản lý và truy xuất nguồn gốc lâm sản; quy định nuôi, trồng loài nguy cấp, quý, hiếm, loài thuộc Phụ lục CITES để xuất khẩu vì mục đích thương mại phải thực hiện Đánh giá khai thác không ảnh hưởng và thiết lập hạn ngạch xuất khẩu nhằm đảm bảo quản lý, truy xuất nguồn gốc các loài động vật, thực vật tại cơ sở nuôi, trồng phù hợp với năng lực sinh sản, trồng cấy của loài nuôi, trồng.

- Quy định rõ các trường hợp cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đối với các cơ sở nuôi, trồng loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

- Bổ quy định về cấp giấy phép CITES xuất khẩu mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm không thuộc Phụ lục CITES, nhập khẩu các loài thuộc Phụ lục II, III CITES, đảm bảo tạo điều kiện thông thoáng cho tổ chức, cá nhân, cắt giảm thủ tục hành chính và phù hợp với quy định của CITES.

- Bổ sung quy định về xuất khẩu giống cây trồng lâm nghiệp thuộc Phụ lục CITES, đảm bảo không có khoảng trống pháp luật và phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

2. Kiến nghị hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị

Hoàn thiện cơ chế phối hợp, chia sẻ và liên thông dữ liệu giữa cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam, cơ quan khoa học CITES Việt Nam và các cơ quan thực thi CITES nhằm tăng cường hiệu quả thực thi CITES tại Việt Nam.

3. Kiến nghị bổ sung hướng dẫn kỹ thuật đối với các nội dung còn vướng mắc

Nghiên cứu xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến chuồng trại nuôi, trồng loài động vật, thực vật nguy cấp, quý, hiếm, thuộc Phụ lục CITES.

4. Kiến nghị về nguồn lực, kinh phí và điều kiện bảo đảm thực hiện

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng số phục vụ công tác quản lý các cơ sở nuôi, cơ sở trồng, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trên cả nước.

5. Kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật

- Tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình và phương thức đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng Kiểm lâm, hải quan; tăng cường các nội dung về chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, viễn thám, hệ thống thông tin địa lý (GIS), quản lý dữ liệu số, thu thập chứng cứ điện tử và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, bảo tồn đa dạng sinh học trên không gian mạng.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật theo hướng chuyên sâu, phù hợp với từng nhóm đối tượng; tăng cường hướng dẫn nhận diện các loài nguy cấp, quý, hiếm và các quy định liên quan đến thực thi CITES nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về lâm nghiệp, bảo tồn đa dạng sinh học trong tình hình mới.

Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm, thực thi CITES và mã số HS làm cơ sở xây dựng Thông tư quy định về Danh mục, chế độ quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Quốc Trị (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Cục BTTN&ĐDSH;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, CITES.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Đoàn Hoài Nam